

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DUUYÊN HẢI  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24-6-2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
và cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Đăng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Sĩ Thọ

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Kim Chanh Ni - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2019/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh T sinh năm 1984, địa chỉ ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc N sinh năm 1994, địa chỉ ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh T (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 11-11-2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Minh Ngọc N tự nguyện xác lập hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ năm 2012. Sau khi kết hôn anh, chị về sống chung tại ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh T, có 01 người con chung là Nguyễn Thị Tuyết N sinh ngày 16-6-2012, anh và chị N chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn, chị N tự ý làm không bàn bạc trao đổi ý kiến với nhau, chị N nhiều lần thiếu nợ người khác nhưng anh cũng cố gắng đi làm trả nợ, anh đã nhiều lần khuyên can làm ăn thế nào thì bàn bạc với nhau nhưng chị N vẫn không thay đổi và làm theo ý mình dẫn đến mâu thuẫn gay gắt thường xuyên cãi vã với nhau, đến tháng 10 năm 2017 anh chị

không còn sống chung với nhau đến nay nhưng không hàn gắn đoàn tụ được với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N, về con chung anh đồng ý giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thị Tuyết N1sinh ngày 16-6-2012, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn chị Nguyễn Minh Ngọc N đã được triệu tập, niêm yết hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai và ý kiến tại Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn sống chung hơn 02 năm nay nhưng không có giải pháp đoàn tụ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị N, về con chung đề nghị giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thị Tuyết N1sinh ngày 16-6-2012 ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng đến khi đủ 18 tuổi, về tài sản và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, đề nghị buộc anh T chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Xét thấy đơn khởi kiện của anh Nguyễn Minh T có nội dung yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên có quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy chị Nguyễn Thị Ngọc N đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh, đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Chị Nguyễn Thị Ngọc N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị N.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh T, thấy rằng anh T và chị N tự nguyện xác lập hôn nhân, đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Thời gian đầu chung

sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N cho thấy trong thời gian sống chung thường xuyên mâu thuẫn, thực tế anh, chị không còn sống chung hơn 02 năm nay mà không có giải pháp đoàn tụ. Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ...*”, nhưng anh T và chị N đã không thực hiện các nghĩa vụ này với nhau. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ nhận định trên, chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị N.

Về con chung: Xét yêu cầu của anh T về việc giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thị Tuyết N1 sinh ngày 16-6-2012, thấy rằng từ khi anh, chị không còn sống chung hơn 02 năm nay, cháu Nghi được chị N nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, anh T đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu N1, căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N1 cho chị N tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T tự nguyện thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Thị Tuyết N1 sinh ngày 16-6-2012 mỗi tháng 800.000 đồng đến khi đủ 18 tuổi, xét thấy sự thỏa thuận nêu trên là tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, như vậy, anh T tự nguyện cấp dưỡng với mức cấp dưỡng nuôi con nêu trên phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Minh T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc N.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc N được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Tuyết N1 sinh ngày 16-6-2012, theo nguyện vọng cháu Nghi.

Anh Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; chị Nguyễn Thị Ngọc N cùng các thành viên gia đình không được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi Nguyễn Thị Tuyết N1 sinh ngày 16-6-2012 mỗi tháng 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nghi đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chưa thi hành với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Minh T phải chịu 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003486 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, anh T còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Chị Nguyễn Thị Ngọc N không phải chịu án phí.

Án sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã Đ, huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Văn Đăng**